

PHỤ LỤC 01: PHẠM VI CÔNG VIỆC ĐƠN HÀNG MUA SẴM VẬT TƯ C&I XỬ LÝ BẤT THƯỜNG
NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN THÁI BÌNH 2

(Đính kèm công văn số /NMDTB2-KTATMT ngày / /2024)

TT	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Đo mức tại chỗ HP8	Model: L300, type Magnetic, ANSI 1500# Range: 0 - 750mm Conn.size: 50 (2'') (Đi kèm 1 phao từ dự phòng)	Wise	Cái	01	
2	Condensate pot	CONDENSATE POT: Class #2500. - Diameter 168mm, length 420mm, Wall thickness Sch 80, Volume as 7Liters, Body Material ASTM A312 TP 316/316L, Cap Material A430M WPS-316. - Manufacture Pressure test: hydraulic test 3250psi (224 Bar), Pneumatic pressure test 100psi (7bar). - Inlet connection 28mm Tube Socket Weld (TSW) ASTM A479 Type 316 (NACE). - Outlet port 12mm TSW material ASTM A479 Type 316 (NACE). - Vent line supply with (01) Welded Needle valve 1/2" TSW, Material Body valve ASTM A479 Type 316/316L (NACE), Valves Tip Material ASTM A564 UNS 17400(17-4PH) (NACE). WP: 6000 psi @ 100 F, WP: 3030 psi @ 1,000° F, SS316	Panam	Cái	04	

